

Số: *4678* /QĐ-UBND

Lục Nam, ngày *30* tháng 9 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt “Quy hoạch phát triển chăn nuôi
huyện Lục Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030”**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31/10/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể kinh tế-xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Quyết định số 318/2013/QĐ-UBND ngày 18/7/2013 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc ban hành Quy định về quản lý quy hoạch trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 30-NQ/HU, ngày 13/01/2011 của BCH Đảng bộ huyện khoá XX về ban hành 4 Chương trình phát triển kinh tế - xã hội trọng tâm giai đoạn 2011-2015, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XX; Kế hoạch số 202/KH-UBND, ngày 16/3/2011 của UBND huyện Lục Nam về Kế hoạch Tổ chức thực hiện Chương trình phát triển sản xuất nông-lâm nghiệp hàng hoá gắn với xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015;

Căn cứ vào Quy hoạch xây dựng nông thôn mới đến năm 2020 của 25 xã trong vùng quy hoạch đã được UBND huyện phê duyệt;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng nông nghiệp & PTNT huyện Lục Nam tại Tờ trình số *3.8*/TTr-PNNPTNT ngày *2.8* tháng 9 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phát triển chăn nuôi huyện Lục Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 với những nội dung chủ yếu sau đây:

I. QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU

1. Quan điểm phát triển

Quy hoạch phát triển chăn nuôi huyện Lục Nam phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Lục Nam đến năm 2020, Quy hoạch xây dựng nông thôn mới và các Quy hoạch khác của tỉnh và huyện đã được phê duyệt.

Khai thác có hiệu quả và thúc đẩy phát triển chăn nuôi toàn diện, sản xuất theo hướng đa dạng hoá sản phẩm; tập trung ưu tiên đầu tư phát triển các loại vật nuôi có giá trị kinh tế, có sức cạnh tranh cao và có thị trường tiêu thụ sản phẩm; xác định giải pháp phù hợp để phát triển chăn nuôi của huyện.

Khuyến khích các thành phần kinh tế, các nhà đầu tư trong và ngoài huyện đầu tư phát triển chăn nuôi các vùng trọng điểm; đẩy mạnh phát triển chăn nuôi theo hình thức gia trại, trang trại gắn với chế biến, dịch vụ và tiêu thụ sản phẩm theo quy hoạch, nhằm tăng giá trị ngành chăn nuôi, góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho hộ nông dân.

Phát triển chăn nuôi phải gắn với phát triển xã hội, xóa đói, giảm nghèo, bảo vệ môi trường sinh thái bền vững, đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, đặc biệt ở các khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc.

2. Mục tiêu phát triển

2.1. Mục tiêu tổng quát

Khai thác lợi thế về đất đai, lao động và giống vật nuôi phù hợp với các vùng sinh thái để đẩy nhanh tốc độ phát triển chăn nuôi theo hướng sản xuất hàng hoá, có sản phẩm và chất lượng đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, hạ giá thành sản phẩm.

Phát triển các lĩnh vực sản xuất của ngành chăn nuôi theo hướng hiện đại, công nghệ tiên tiến, gắn với bảo vệ môi trường sinh thái và nâng cao thu nhập của người chăn nuôi.

Từng bước quản lý tốt công tác giết mổ gia súc, gia cầm, công tác thú y; đảm bảo thực hiện tốt công tác phòng chống dịch, bệnh. Thực hiện tốt quy hoạch phát triển chăn nuôi gắn với xây dựng nông thôn mới.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Giai đoạn 2016-2020:

+ Giá trị sản xuất ngành chăn nuôi tăng trưởng bình quân 2,73%/năm, đến năm 2020 đạt 750 tỷ đồng (theo giá SS 2010), chiếm 39,5% tổng giá trị sản xuất nông nghiệp.

+ Các chỉ tiêu tổng đàn đến năm 2020: Đàn trâu 12.500 con; bò 11.300 con, đàn bò lai Zebu chiếm 75% tổng đàn; lợn 160 nghìn con; gia cầm đạt 2.050 nghìn con.

+ Sản lượng đến năm 2020: Thịt hơi các loại đạt khoảng 24.670 tấn, trứng khoảng 22,5 triệu quả.

+ Tỷ trọng chăn nuôi gia cầm quy mô nông hộ truyền thống còn 56% vào năm 2020; tỷ trọng chăn nuôi lợn truyền thống còn 35,8% vào năm 2020.

+ Hình thành 70 trang trại, trong đó 32 trang trại chăn nuôi gia cầm, 38 trang trại chăn nuôi lợn. Tỷ trọng chăn nuôi gia cầm theo quy mô trang trại đạt

32% tổng đàn gia cầm, tỷ trọng chăn nuôi lợn theo quy mô trang trại đạt 25% tổng đàn lợn.

+ Hình thành 38 khu chăn nuôi tập trung xa khu dân cư theo đúng tiêu chí của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn. Đưa tỷ trọng chăn nuôi gia cầm trong khu chăn nuôi tập trung đạt 55% tổng đàn gia cầm; tỷ trọng chăn nuôi lợn trong khu chăn nuôi tập trung đạt 45% tổng đàn lợn.

+ Chăn nuôi nhỏ lẻ trong khu dân cư đến năm 2020 vẫn còn nhưng được kiểm soát về vệ sinh an toàn thực phẩm và môi trường.

+ Đến năm 2020 có 30% số xã xây dựng điểm giết mổ tập trung và hình thành 02 cơ sở giết mổ tập trung công nghiệp tại xã Tam Dị và Chu Điện. Sản lượng giết mổ đạt 30-40% tổng sản lượng thịt hơi các loại của huyện. Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm đối với sản phẩm giết mổ gia súc gia cầm trên 80%.

+ Công tác tiêm phòng vắc xin cho đàn gia súc, gia cầm đạt trên 98% gia súc, gia cầm thuộc diện phải tiêm phòng được tiêm phòng đầy đủ các loại vắc xin theo quy định.

- Định hướng phát triển chăn nuôi đến năm 2030:

+ Cơ cấu ngành chăn nuôi đạt 45% giá trị sản xuất ngành nông nghiệp.

+ Tổng đàn trâu dự kiến 13.000 con, đàn bò 11.500 con, lợn dự kiến 180 ngàn con, đàn gia cầm ổn định khoảng 2.000 ngàn con.

+ Sản lượng thịt hơi xuất chuồng dự kiến đạt 26.150 tấn, sản lượng trứng dự kiến 25 triệu quả.

+ Đàn bò lai Zebu chiếm 75% tổng đàn; đàn gia cầm giống mới có năng suất thịt, trứng cao chiếm trên 70% tổng đàn vào năm 2030.

+ Đến năm 2030, nâng tỷ trọng sản xuất chăn nuôi hàng hóa theo hướng trang trại tập trung quy mô vừa và lớn chiếm trên 70%. Trong đó, đàn lợn chiếm trên 70%, đàn bò thịt chiếm 30%, đàn gà nuôi theo hướng bán công nghiệp và công nghiệp chiếm 70% tổng đàn.

II. NỘI DUNG QUY HOẠCH

1. Quy hoạch đàn vật nuôi và sản phẩm

1.1. Quy hoạch đàn trâu:

- Giai đoạn 2016-2020 tổng đàn trâu có 12.500 con, trọng lượng xuất chuồng đạt 250-300kg/con; sản lượng thịt trâu hơi xuất chuồng năm 2020 đạt 900 tấn.

Phân bố đàn trâu chủ yếu ở các xã: Lục Sơn, Nghĩa Phương, Thanh Lâm, Bảo Sơn, Vô Tranh, Trường Sơn, Bình Sơn, Huyền Sơn...

- Đến năm 2030 tổng đàn trâu 13.000 con.

1.2. Quy hoạch đàn bò:

- Giai đoạn 2016-2020, quy mô đàn bò toàn huyện là 11.300 con, sản lượng thịt hơi xuất chuồng khoảng 840 tấn.

Phân bố đàn bò: Đàn bò phân bố chủ yếu ở các xã Bảo Đài, Thanh Lâm, Chu Điện, Lan Mẫu, Yên Sơn, Bắc Lũng, Đan Hội, Cẩm Lý...

- Đến năm 2030 tổng đàn trâu 11.500 con.

1.3. Quy hoạch đàn lợn:

- Giai đoạn 2016-2020: Tổng đàn lợn dự kiến đến năm 2020 đạt 160 ngàn con và định hướng đến năm 2030 ổn định 180 ngàn con.

+ Tổng sản lượng thịt hơi đến năm 2020 là 18.940 tấn.

+ Tổng đàn lợn nái đạt 24 ngàn con vào năm 2020, trong đó nái ngoại chiếm 30%.

+ Tỷ trọng tổng đàn lợn theo phương thức nuôi đến 2020: chăn nuôi nông hộ truyền thống chiếm 32%, chăn nuôi gia trại chiếm 15,0%, chăn nuôi trang trại chiếm 15%, chăn nuôi tại các khu chăn nuôi tập trung chiếm 38%.

+ Phân bố đàn lợn: Đàn lợn phân bố chủ yếu ở các xã Nghĩa Phương, Đông Phú, Cẩm Lý, Vô Tranh, Chu Điện....

- Định hướng đến năm 2030: tổng đàn lợn là 180 ngàn con; ổn định sản lượng thịt hơi trên 24 ngàn tấn. Tăng tỷ trọng sản xuất chăn nuôi lợn hàng hoá theo hướng gia trại, trang trại, khu chăn nuôi tập trung chiếm trên 70%; cơ bản không còn chăn nuôi nhỏ lẻ trong khu dân cư.

1.4. Quy hoạch đàn gia cầm:

- Giai đoạn 2016-2020, tổng đàn gia cầm có 2,05 triệu con. Trong đó đàn gà là 1,75 triệu con.

+ Sản lượng thịt gia cầm đến năm 2020 là 4.100 tấn, trong đó gà là 3.500 tấn.

+ Sản lượng trứng đến năm 2020 là 22,5 triệu quả.

+ Phân bố đàn gia cầm: Đàn gia cầm phân bố tập trung ở các xã Nghĩa Phương, Tam Dị, Bảo Sơn, Bảo Đài, Cẩm Lý, Khám Lạng, Đông Hưng, Đông Phú...

- Định hướng đến năm 2030: tổng đàn gia cầm ổn định ở 2 triệu con, trong đó gà là 1,8 triệu con.

2. Quy hoạch chăn nuôi tập trung theo hướng phát triển sản xuất hàng hóa

2.1. Quy hoạch vùng chăn nuôi trâu, bò tập trung

- Giai đoạn 2016-2020:

+ Xây dựng vùng chăn nuôi trâu thịt tập trung phân bố ở 07 xã: Lục Sơn, Bình Sơn, Trường Sơn, Vô Tranh, Nghĩa Phương, Huyền Sơn, Cẩm Lý. Nuôi theo hình thức trang trại, gia trại để tạo ra vùng nguyên liệu ổn định cho thị trường tiêu thụ, góp phần tăng hiệu quả của ngành chăn nuôi.

+ Xây dựng vùng chăn nuôi bò thịt tập trung phân bố ở 07 xã: Bảo Đài, Thanh Lâm, Chu Điện, Lan Mẫu, Yên Sơn, Bắc Lũng, Vũ Xá.

- Định hướng đến năm 2030: Ngoài ra các xã có điều kiện đất đai, không nằm trong vùng quy hoạch đô thị, khu công nghiệp, thương mại, du lịch... đều bố trí các khu chăn nuôi tập trung ngoài khu dân cư để tổ chức chăn nuôi tập trung hướng trang trại; cơ bản không còn chăn nuôi nhỏ lẻ trong khu dân cư.

2.2. Quy hoạch vùng chăn nuôi lợn tập trung

- Giai đoạn 2016-2020: Xây dựng vùng chăn nuôi lợn tập trung phân bố ở 11 xã: Phương Sơn, Chu Điện, Cương Sơn, Huyền Sơn, Tiên Nha, Tiên Hưng, Vũ Xá, Cẩm Lý, Bắc Lũng, Đông Phú, Nghĩa Phương.

- Định hướng đến năm 2030: Ngoài ra các xã có điều kiện đất đai, không nằm trong vùng quy hoạch đô thị, khu công nghiệp, thương mại, du lịch... đều bố trí các khu chăn nuôi tập trung ngoài khu dân cư để tổ chức chăn nuôi tập trung hướng trang trại; cơ bản không còn chăn nuôi nhỏ lẻ trong khu dân cư.

2.3. Quy hoạch vùng chăn nuôi gia cầm tập trung

- Giai đoạn 2016-2020: Xây dựng vùng chăn nuôi gia cầm tập trung phân bố ở 17 xã: Bảo Sơn, Bảo Đài, Thanh Lâm, Phương Sơn, Bắc Lũng, Vũ Xá, Đan Hội, Cẩm Lý, Huyền Sơn, Nghĩa Phương, Tam Dị, Đông Phú, Đông Hưng, Tiên Nha, Tiên Hưng, Vô Tranh, Khám Lạng.

- Định hướng đến năm 2030: Ngoài ra các xã có điều kiện đất đai, không nằm trong vùng quy hoạch đô thị, khu công nghiệp, thương mại, du lịch... đều bố trí các khu chăn nuôi tập trung ngoài khu dân cư để tổ chức chăn nuôi tập trung hướng trang trại; cơ bản không còn chăn nuôi nhỏ lẻ trong khu dân cư.

3. Quy hoạch chăn nuôi khác có kiểm soát

3.1. Phát triển đàn dê:

- Đẩy mạnh chăn nuôi dê và dần dần hình thành các mô hình chăn nuôi các con vật nuôi đặc sản góp phần mở rộng cơ cấu vật nuôi, tăng thu nhập cho người dân, ổn định cuộc sống và giải quyết việc làm cho lao động dư thừa ở khu vực nông thôn.

- Đến năm 2020 đàn dê có khoảng 6.000 con.

3.2. Phát triển chăn nuôi đặc sản:

Xây dựng các mô hình con nuôi mới như nuôi Vịt Trời, Thỏ, Lợn rừng, gắn với mô hình trang trại. Đây là mô hình chăn nuôi có hiệu quả cần được nhân

rộng, nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu thụ của nhà hàng, khách sạn, tăng thu nhập cho người lao động. Đưa số lượng và giá trị sản phẩm chăn nuôi khác lên gấp 1,5 lần vào năm 2017 và từ 2-3 lần vào năm 2020.

4. Quy hoạch chăn nuôi trang trại, gia trại, khu chăn nuôi tập trung

4.1. Quy hoạch chăn nuôi trang trại

- Đến năm 2020, dự kiến số trang trại cho phát triển chăn nuôi toàn huyện là 70 trang trại, tăng 22 trang trại so với năm 2015 (theo tiêu chí mới về trang trại); trong đó chăn nuôi gia cầm có 32 trang trại; nuôi lợn thịt, lợn nái có 38 trang trại).

4.2. Quy hoạch khu chăn nuôi tập trung

- Đến năm 2020, hình thành 37 khu chăn nuôi tập trung, với diện tích 219,44 ha.

- Định hướng đến năm 2030, các xã có điều kiện đất đai, không nằm trong vùng quy hoạch đô thị, khu công nghiệp, thương mại, du lịch... đều bố trí các khu chăn nuôi tập trung ngoài khu dân cư để tổ chức chăn nuôi tập trung hướng trang trại; cơ bản không còn chăn nuôi nhỏ lẻ trong khu dân cư.

5. Quy hoạch phát triển sản xuất giống vật nuôi

Xây dựng mạng lưới cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật trong công tác sản xuất giống trâu, bò, lợn, gia cầm tập trung chính tại các vùng chăn nuôi tập trung. Để nâng cao chất lượng tinh dịch lợn, tinh cọng rạ... tăng tỷ lệ thụ thai ở đàn trâu, bò, đồng thời tăng số con trên lứa đẻ đối với đàn lợn.

- Đầu tư nâng cấp các cơ sở sản xuất tinh lợn đáp ứng nhu cầu thụ tinh nhân tạo tại các địa phương.

- Hỗ trợ tinh và vật tư cho lai tạo giống lợn, giống bò thịt, cho hộ chăn nuôi trên địa bàn.

- Quy hoạch 01 cơ sở giữ và nhân giống gia cầm tại địa bàn xã Cẩm Lý.

- Xây dựng và kêu gọi đầu tư xây dựng 01 cơ sở giống lợn giống ngoại cấp ông bà, quy mô 100 nái, theo hướng liên doanh hoặc cổ phần dự kiến ở Đông Phú hoặc Chu Điện.

- Giám định, bình tuyển, chọn lọc đàn trâu chất lượng cho thụ tinh nhân tạo trâu địa phương, trâu Murah, sản xuất trâu lai F1 (Murah x Trâu địa phương) hướng thịt sữa tập trung ở những xã có đàn trâu lớn của huyện như Lục Sơn, Thanh Lâm, Vô Tranh..

6. Quy hoạch sản xuất thức ăn chăn nuôi

6.1. Quy hoạch nhà máy sản xuất thức ăn

- Chế biến quy mô nhỏ: tùy điều kiện từng xã, sử dụng liên hợp máy chế biến quy mô nhỏ, công suất từ 0,3 – 0,5 tấn/h, bao gồm máy sấy bảo quản hạt,

máy nghiền, máy trộn, máy đập khô dầu (nếu có sử dụng khô dầu), cân định lượng, máy khâu bao cùng các bộ phận phụ trợ. Vốn đầu tư dự kiến khoảng 120 triệu đồng/cơ sở.

- Kêu gọi đầu tư, tạo điều kiện cho các tổ chức, các Doanh nghiệp đầu tư xây dựng mới 1 nhà máy chế biến thức ăn gia súc vào cụm công nghiệp Vũ Xá để phục vụ nhu cầu chăn nuôi của địa bàn huyện.

6.2. Quy hoạch phát triển trồng cỏ

- Chuyển đổi 1 phần diện tích đất nông, lâm nghiệp kém hiệu quả sang trồng cỏ chăn nuôi đại gia súc.

- Phát triển lâm nghiệp kết hợp với chăn nuôi trâu bò dưới tán rừng.

+ Triển khai trồng cỏ tại các xã có lợi thế phát triển trồng cỏ chăn nuôi gia súc nhai lại tại các xã: Đông Phú, Thanh Lâm, Phương Sơn, Khám Lạng, Lan Mẫu...

+ Đến năm 2020 dự kiến đất trồng cỏ để làm thức ăn xanh cho trâu, bò khoảng 490 ha. Đến năm 2020 sản lượng cỏ trồng toàn huyện đáp ứng được 70% nhu cầu thức ăn thô xanh cho tổng đàn gia súc của huyện.

7. Quy hoạch cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung trên địa bàn huyện

- Giai đoạn 2016-2020: trên địa bàn huyện Lục Nam dự kiến xây dựng 02 cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung, đảm bảo vệ sinh môi trường và điều kiện vệ sinh ATTP theo quy định, trong đó: xây dựng cơ sở giết mổ loại II tại xã Tam Dị; cơ sở loại III tại xã Chu Điện.

- Giai đoạn 2020-2030: Ngoài dự kiến đề xuất xây dựng 02 cơ sở ở các xã có khả năng xây dựng các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung là Nghĩa Phương và Đông Hưng, dự kiến đề xuất trên 27 điểm ở một số xã, thị trấn có khả năng xây dựng các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung.

III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Giải pháp về phân vùng và bố trí quỹ đất đai cho phát triển chăn nuôi

- Trong những năm tới, về cơ bản mỗi xã nếu có điều kiện đất đai phải có kế hoạch di dời một số cơ sở chăn nuôi không bảo đảm điều kiện vệ sinh thú y đến vùng quy hoạch chăn nuôi tập trung, xa khu dân cư, đảm bảo vệ sinh môi trường. Đảm bảo dễ dàng kiểm soát dịch, bệnh.

- Đối với các quy hoạch sử dụng đất của huyện, xã cần điều chỉnh bổ sung quỹ đất dành cho phát triển chăn nuôi đến năm 2020 như: đất trồng cỏ dự kiến 490ha, đất cho phát triển các trang trại chăn nuôi 70ha, đất cho phát triển khu chăn nuôi tập trung 219ha,...

2. Giải pháp về khoa học- công nghệ

2.1. Giải pháp về giống

- Khuyến khích các nhà đầu tư xây dựng trại giống lợn ông bà, bố mẹ với quy mô lớn để đáp ứng nhu cầu con giống, nhằm đẩy nhanh công tác cải tạo đàn gia súc trong huyện.

- Giống lợn:

+ Nâng cao chất lượng sản phẩm thịt lợn (theo hướng nạc, tăng tỷ lệ sử dụng giống lợn ngoại hướng nạc trong cơ cấu đàn lợn từ khoảng 40% hiện nay lên 65 – 70% vào năm 2017 và 75% trở lên vào năm 2020).

+ Giống lợn dùng con giống có tổ hợp lai 3 đến 4 máu nuôi thương phẩm, nuôi theo hướng công nghiệp đạt tỷ lệ nạc 55-59%; chú trọng phát triển đàn nái ngoại nuôi công nghiệp đạt tỷ lệ nạc cao (hiện đàn ngoại khoảng 15%, phấn đấu đạt khoảng 20% đàn nái ngoại vào năm 2015 và đạt khoảng 30% đàn nái ngoại vào năm 2020).

+ Mở rộng mạng lưới thụ tinh nhân tạo lợn; tổ chức bình tuyển, đánh giá chất lượng lợn đực giống, khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở tự nhân nhập lợn giống tốt, đặc biệt là tinh lợn năng suất cao.

- Giống trâu: Tiến hành chọn lọc đàn trâu cái có khả năng sinh sản cao, phân loại đàn trâu hiện có, loại bỏ những trâu đực giống nội có tầm vóc nhỏ bé, giữ những trâu đực có tầm vóc to, khỏe, trọng lượng từ 300 kg trở lên, thụ tinh nhân tạo Murrah, để cải tạo dần và nâng cao tầm vóc, thể trọng, khả năng sản xuất của đàn trâu địa phương. Sử dụng đàn trâu cái nội đủ tiêu chuẩn và nái lai F1 Murrah cho phối trực tiếp hoặc thụ tinh nhân tạo với trâu đực Murrah để tạo con lai theo hướng sinh sản và nuôi lấy thịt.

- Giống bò:

+ Phát triển các dịch vụ TTNT để phối giống tạo ra đàn bò chất lượng cao.

+ Đẩy mạnh chương trình cải tạo đàn bò địa phương thông qua phương pháp TTNT hoặc phối giống trực tiếp với bò đực giống Zeebu tạo bò lai có tỷ lệ máu ngoại trên 60%.

+ Lai tạo, phát triển giống bò thịt chất lượng cao có tỷ lệ từ 75% máu ngoại trở lên bằng sử dụng tinh của các giống bò thịt cao sản phối với bò cái nền lai Zeebu.

- Giống gia cầm:

+ Khuyến khích các nhà đầu tư trong và ngoài huyện xây dựng trại gà giống bố mẹ với quy mô 5.000-10.000 con/trại để đáp ứng nhu cầu con giống.

+ Đưa giống mới vào sản xuất; Nâng cao năng lực quản lý về chăn nuôi, con giống, công tác ấp nở gia cầm.

+ Cần giữ giống và phát triển mạnh các giống gà Ri, gà Mía, gà Chọi, gà lai giữa gà chọi với các giống gà Ri, gà Mía, gà Tam Hoàng, gà Lương Phượng để đáp ứng thị trường.

+ Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng trang trại vịt giống kết hợp với lò ấp trứng vịt cung cấp một phần vịt giống cho trang trại và hộ gia đình.

- Quản lý giống lợn, giống gia cầm theo mô hình tháp giống gắn với từng vùng sản xuất, từng thương hiệu sản phẩm.

- Chọn lọc, cải tiến, nâng cao năng suất, chất lượng các giống lợn, gia cầm địa phương có nguồn gen quý.

2.2. Ứng dụng khoa học công nghệ trong chăn nuôi

Áp dụng công nghệ tiên tiến nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị sản phẩm chăn nuôi; Chú trọng công tác khuyến nông nâng cao trình độ cho người chăn nuôi.

- Thiết kế chuồng trại chăn nuôi có hệ thống gió, hệ thống làm mát, điều khiển ánh sáng, máng ăn, núm uống tự động và xử lý chất thải bằng công nghệ sinh học. Chuồng gà kiểu chuồng kín, có hệ thống làm mát chống nóng, tự động cấp thức ăn, nước uống, thực hiện theo quy trình cùng vào – cùng ra,...

2.3. Công tác khuyến nông

- Mở các lớp hướng dẫn kỹ thuật chăn nuôi, kỹ thuật chăn nuôi thâm canh, kỹ thuật chế biến thức ăn gia súc (thức ăn xanh và thức ăn tinh) và công tác thú y.

- Thông qua các chương trình, dự án, chuyên gia tiên bộ kỹ thuật mới từ các viện, trường, các trung tâm nghiên cứu hoặc từ các tổ chức ngoài tỉnh, đồng thời cung cấp các thông tin về giống, về giá cả vật tư đầu vào, thị trường tiêu thụ và giá cả sản phẩm, ...giúp người chăn nuôi có quyết định đúng đắn.

3. Giải pháp về thị trường tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả việc ngăn chặn buôn bán, vận chuyển gia súc, gia cầm trái phép để bảo hộ sản xuất chăn nuôi trong tỉnh theo Đề án 2088/QĐ-TTg ngày 27/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ về phòng ngừa, ngăn chặn vận chuyển và kinh doanh gia cầm, sản phẩm gia cầm nhập khẩu trái phép. Xử lý nghiêm các đối tượng vi phạm theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức lại hệ thống tiêu thụ sản phẩm gắn với cơ sở giết mổ, bảo quản, chế biến bảo đảm vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm nhằm thay đổi thói quen tiêu dùng và mua bán sản phẩm, như sử dụng thực phẩm đông lạnh, thực phẩm qua chế biến, hạn chế hình thức chợ cóc, chợ tạm, buôn bán dưới lòng đường, vỉa hè...

- Tăng cường đầu tư và hoàn thiện các chợ đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, nhất là các chợ tại đô thị, nơi đông dân cư và người lao động.

- Tổ chức thị trường tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi: Xây dựng mối liên kết giữa các cơ sở sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi thuộc các thành phần kinh tế, đặc biệt giữa các doanh nghiệp, các HTX, cơ sở chăn nuôi và các điểm buôn bán, giết mổ gia súc, gia cầm, các cửa hàng lớn trong và ngoài huyện...

4. Giải pháp huy động vốn đầu tư phát triển chăn nuôi

- Trong giai đoạn tới để đáp ứng được nhu cầu đầu tư cần phải có hệ thống các biện pháp huy động vốn một cách tích cực, nhất là việc tăng tính chủ động trong đầu tư và điều hành thực hiện quy hoạch, huyện dự kiến áp dụng các biện pháp huy động đa dạng hóa các hình thức tạo vốn, nhất là nguồn vốn của các doanh nghiệp và dân cư.

- Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước, trong đó có cả từ ngân sách dành chủ yếu cho phát triển kết cấu hạ tầng chăn nuôi. Để nâng cao nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước cần tăng tỷ lệ tích lũy từ nội bộ nền kinh tế của huyện, tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng cao và có biện pháp khuyến khích tiếp kiệm cho đầu tư phát triển.

- Nguồn vốn đầu tư từ các doanh nghiệp và từ dân: Giải pháp quan trọng để giải quyết nhu cầu vốn là đẩy mạnh huy động các nguồn lực, đặc biệt phải huy động đầu tư của các doanh nghiệp và nội lực đầu tư các tầng lớp nhân dân. Ngoài ra còn huy động vốn hỗ trợ khác như: Hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực, thị trường, khoa học công nghệ theo Nghị định 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ.

- Đồng thời nghiên cứu áp dụng các chính sách hỗ trợ sau đầu tư cho cơ sở chăn nuôi tập trung đối với các nội dung như: xử lý chất thải, vận chuyển, kiểm dịch, xúc tiến thương mại,... để tạo nguồn lực đầu tư và nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành chăn nuôi của huyện.

5. Giải pháp về xử lý môi trường trong chăn nuôi

- Khuyến khích tạo điều kiện thuận lợi hình thành các khu chăn nuôi tập trung kết hợp đầu tư xây dựng hệ thống xử lý và kiểm soát chất thải, sẽ giảm thiểu nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

- Từng bước hạn chế, tiến tới hạn chế chăn nuôi phân tán nhỏ lẻ trong khu dân cư song song với kiểm soát chặt chẽ môi trường chăn nuôi.

- Đối với các cơ sở chăn nuôi đang hoạt động: tuyên truyền, tăng cường kiểm tra yêu cầu các cơ sở cải tạo, nâng cấp, đầu tư xây dựng công trình xử lý chất thải phù hợp từng quy mô nhằm kiểm soát ô nhiễm, giảm thiểu ô nhiễm, hoàn thiện các thủ tục pháp lý về môi trường theo quy định,...

- Đối với cơ sở mới: Thực hiện các thủ tục pháp lý về môi trường, đầu tư các công trình xử lý chất thải song song với đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cơ sở, đảm bảo hoàn thiện và vận hành hiệu quả trước khi cơ sở đi vào hoạt động, tăng cường kiểm tra,...

- Xử lý chất thải lỏng bằng hệ thống bể lọc có sục khí, bể lắng và ao chứa trước khi xả vào môi trường.

- Xử lý chất thải rắn: Xây dựng bể ủ và ủ phân bằng men vi sinh để sử dụng làm phân bón.

- Đầu tư phát triển mạnh chương trình Biogaz đối với các trang trại chăn nuôi, chương trình chăn nuôi trên đệm lót sinh học.

- Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến kiến thức về pháp luật bảo vệ môi trường trong hoạt động chăn nuôi đối với các hộ gia đình, các cơ sở chăn nuôi tập trung trên địa bàn huyện.

- Tăng cường kiểm tra, xử phạt nghiêm minh khi phát hiện các hành vi vi phạm gây ô nhiễm môi trường đối với các hộ, các cơ sở chăn nuôi tập trung.

- Các hộ, các cơ sở chăn nuôi tập trung phải có các thủ tục pháp lý về môi trường (báo cáo đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường) phải thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo đúng quy định hiện hành.

6. Danh mục các dự án ưu tiên

- Dự án hỗ trợ giống vật nuôi.
- Dự án xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung.
- Dự án hỗ trợ xây dựng các khu chăn nuôi tập trung.
- Dự án xử lý chất thải giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi.
- Dự án chế biến thức ăn hỗn hợp dùng trong chăn nuôi trang trại và nông hộ.
- Đề án hỗ trợ nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGap.

- Xây dựng chính sách phát triển chăn nuôi thú y (chính sách phát triển chăn nuôi tập trung, nông hộ,...).

7. Giải pháp về vốn đầu tư

- Tổng vốn đầu tư giai đoạn 2016- 2020 khoảng 163.580 triệu đồng, trong đó:

- Vốn ngân sách: 32.450 triệu đồng, chiếm khoảng 19,84% tổng vốn đầu tư.

- Các nguồn vốn khác: 131.130 triệu đồng, chiếm khoảng 80,16% tổng vốn đầu tư. Nguồn vốn này được huy động từ các doanh nghiệp và các hộ dân.

Điều 2. Phòng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn huyện Lục Nam có trách nhiệm:

1. Công bố công khai Quy hoạch phát triển chăn nuôi huyện Lục Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 theo đúng quy định của pháp luật; hướng dẫn các xã, thị trấn triển khai thực hiện quy hoạch theo đúng quy định hiện hành.

2. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện quy hoạch. UBND các xã, thị trấn có trách nhiệm phối hợp với Phòng Nông nghiệp & PTNT huyện tổ chức thực hiện quy hoạch, thường xuyên kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch tại xã, thị trấn.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn Phòng HĐND và UBND huyện, các phòng ban chuyên môn thuộc UBND huyện, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Văn Phòng HĐND&UBND huyện;
- + LĐVP, TH, KT;
- + Lưu: VT, PNN&PTNT



Đặng Văn Nhân